TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH --- Số: 333/2024/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --- *Bình Chánh, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HCM

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số 270/2024/TLST-VHNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1962

Nơi cư trú: C7/135 ấp 3, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: C7/135 ấp 3, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 10/4/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị G thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/7/2011 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông T và bà G xác nhận ông bà có một con chung là trẻ Lê Thị Huyền T, sinh ngày 11/12/2010. Ông T và bà G thỏa thuận giao trẻ T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà G không cấp dưỡng nuôi con.

Bà G có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T và bà G xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vấn đề khác (nợ chung): Ông T và bà G xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7A, 7B và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông T và bà G đã nộp theo biên lai thu tiền số 0033462 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông T và bà G đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Ủy ban nhân dân Đa Phước, huyện Bình Chánh, Tp.HCM;
- Chi cục THADS HBC;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy